

Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hưng Yên : Luận văn ThS Kinh tế: 5.02.01 / Nguyễn Thị Thu Hương ; Nghd. : PGS TS Vũ Hồng Tiến

1. Lý do chọn đề tài

Tỉnh Hưng Yên mới được tái lập từ 01/01/1997, là một tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, nằm giữa tam giác Kinh tế: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Hưng Yên có nhiều thuận lợi về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội để phát triển các DNVVN. Đó là: về giao thông, cơ sở hạ tầng sản xuất với những ưu thế, các cụm doanh nghiệp đã và đang hình thành, lực lượng lao động dồi dào; nền nông nghiệp hàng hóa đang từng bước phát triển có sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế mạnh mẽ.

Trong quá trình phát triển đó, UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành thực hiện nhiều chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trên con đường phát triển DNVVN. Ở Hưng Yên, các DNVVN hiện nay vẫn phải đối mặt với rất nhiều thách thức, trở ngại về thị trường, mặt bằng sản xuất, trình độ kỹ thuật công nghệ, vốn, thông tin, nguồn nhân lực..., nền sản xuất - kinh doanh kém hiệu quả, khả năng cạnh tranh trong nước, hội nhập khu vực và quốc tế còn nhiều hạn chế. Để tạo điều kiện cho các DNVVN phát huy hết tiềm năng, đóng góp nhiều hơn nữa vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa của tỉnh Hưng Yên cần phải có những hỗ trợ tích cực, toàn diện và đồng bộ. Vì vậy, việc chọn đề tài: ***“Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ tại tỉnh Hưng Yên”*** làm luận văn thạc sỹ khoa học kinh tế là có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Trong những năm gần đây, vấn đề DNVVN ở nước ta đã có nhiều đề tài thực hiện, chẳng hạn: Báo cáo định hướng chiến lược và chính sách phát triển

DNVVN ở Việt Nam đến năm 2010 (của Bộ kế hoạch và đầu tư -MPI); phát triển DNVVN; Kinh nghiệm nước ngoài và phát triển DNVVN ở Việt Nam (của Vũ Quốc Tuấn, Hoàng Thu Hòa).... Đề tài này không chỉ nhận được sự quan tâm nghiên cứu của Chính Phủ, các Bộ, Ngành, Viện nghiên cứu, các nhà khoa học trong nước mà còn có sự hỗ trợ tích cực của tổ chức phi Chính phủ (NGOS), các tổ chức quốc tế như: DNVVN Việt Nam trên đường đi đến phồn vinh (Leika Website, MPDE 1999) Báo cáo nghiên cứu hoàn thiện chính sách kinh tế vĩ mô và đổi mới các thủ tục hành chính nhằm thúc đẩy sự phát triển của các DNVVN tại Việt Nam (Dự án US/VIE/95/004); DNVVN - Hiện trạng và những kiến nghị giải pháp (viện Friedrich Ebert, 2000). Những nghiên cứu này đã góp phần rất quan trọng vào việc nhận thức đầy đủ hơn về DNVVN. Nhiều kiến nghị và giải pháp đã được trình Chính phủ làm cơ sở cho việc hoạch định những chính sách kinh tế quan trọng nhằm khuyến khích phát triển các loại hình DNVVN. Bên cạnh đó, đã có một số công trình tập trung nghiên cứu về chính sách phát triển DNVVN như: Chính sách hỗ trợ DNVVN ở Việt Nam (PGS.TS Nguyễn Thị Cúc), giải pháp phát triển DNVVN ở Việt Nam (của GS.TS Nguyễn Đình Thương)... Tuy nhiên, những kết quả nghiên cứu trên chưa thể coi là kết luận cuối cùng, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay nền kinh tế nước ta đang đẩy nhanh tiến trình hội nhập khu vực và thế giới.

Đặc biệt, việc nghiên cứu một cách cơ bản, có hệ thống về hỗ trợ phát triển DNVVN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến nay vẫn chưa được đáp ứng. Hơn nữa, thực trạng phát triển DNVVN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong suốt thời gian qua đang tồn tại nhiều vấn đề phức tạp, đòi hỏi Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở, Ban, Ngành phải tập trung tháo gỡ. Vì vậy, đề tài: ***“Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ tại tỉnh Hưng Yên”*** sẽ góp phần làm rõ thêm những chính sách, chương trình hỗ trợ phát triển một cách có hiệu quả và vững chắc.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

**** Mục đích của luận văn***

Góp phần hệ thống hóa và làm rõ thêm những vấn đề lý luận, thực tiễn hỗ trợ phát triển DNVVN trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Đồng thời nghiên cứu thực trạng hỗ trợ DNVVN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, trên cơ sở đó đề xuất những phương hướng, giải pháp

nhằm tiếp tục hỗ trợ DNVVN phát triển tương xứng với vị trí vai trò và tiềm năng vốn có của nó.

*** *Nhiệm vụ của Luận văn:*** - Khái quát một số vấn đề lý luận và thực tiễn vai trò của DNVVN, và sự cần thiết phải hỗ trợ DNVVN ở Việt Nam nói chung và ở Hưng Yên nói riêng.

- Tìm hiểu một số kinh nghiệm hỗ trợ DNVVN của một số nước trên thế giới và địa phương trong nước về hỗ trợ DNVVN để vận dụng vào Hưng Yên.

- Phân tích thực trạng hỗ trợ DNVVN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và các vấn đề đặt ra cho DNVVN trong quá trình hỗ trợ tồn tại và phát triển.

- Luận giải những phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm tiếp tục hỗ trợ DNVVN tại Hưng Yên phát triển hơn nữa trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

Nghiên cứu sự hỗ trợ DNVVN trong khu vực kinh tế tư nhân tại Hưng Yên từ khi tái lập tỉnh đến nay nhằm xác định tính cấp thiết, phương hướng và giải pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả hỗ trợ phát triển DNVVN trong thời gian tới.

Luận văn tập trung nghiên cứu các DNVVN trong khu vực kinh tế tư nhân, bao gồm các loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty hợp doanh, các hợp tác xã, các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, tiểu chủ.

5. Phương pháp nghiên cứu của luận văn

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, những quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển DNVVN. Đồng thời sử dụng các phương pháp nghiên cứu tổng hợp các tài liệu lý luận khoa học, khảo sát thực tiễn để rút ra những kinh nghiệm bổ ích. Kết hợp phương pháp logic – lịch sử; phương pháp phân tích với phương pháp thống kê, so sánh để giải quyết vấn đề của đề tài.

6. Đóng góp của luận văn

Luận văn góp phần làm rõ thực trạng hỗ trợ DNVVN tại Hưng Yên trong thời gian qua, từ đó phát hiện những mâu thuẫn, hạn chế đang đặt ra trong các chính sách hỗ trợ DNVVN hiện hành.

Đề xuất những phương hướng và giải pháp trong việc hoạch định và hoàn thiện các chính sách tiếp tục hỗ trợ sự phát triển DNVVN ở Hưng Yên.

Luận văn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo đối với việc giảng dạy, nghiên cứu vấn đề về DNVVN, đồng thời có ý nghĩa tham khảo thiết thực đối với các cơ quan hoạch định chính sách và chỉ đạo thực tiễn phát triển DNVVN tại Hưng Yên.

7. Kết cấu của luận văn:

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương, với 7 tiết:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về hỗ trợ DNVVN

Chương 2: Thực trạng hỗ trợ DNVVN tại Hưng Yên

Chương 3: Phương hướng, giải pháp hỗ trợ phát triển DNVVN trong thời gian tới tại Hưng Yên

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1 Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ ở một số nước và vùng lãnh thổ trên thế giới

1.1. 1. Quan niệm, vai trò, đặc điểm của doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1.1. Quan niệm về doanh nghiệp vừa và nhỏ:

DNVVN là những cơ sở sản xuất kinh doanh có tư cách pháp nhân kinh doanh vì mục đích lợi nhuận, có quy mô doanh nghiệp trong những giới hạn nhất định tính theo: vốn, lao động, doanh thu, giá trị gia tăng thu được trong từng thời kì theo quy định của từng quốc gia.

Khái niệm DNVVN chỉ mang tính tương đối và được thay đổi theo từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước. Ngoài ra, nó còn phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế, giới hạn tiêu chuẩn, chỉ tiêu, độ lớn của DNVVN, được quy định khác nhau theo từng ngành nghề khác nhau... cho phù hợp với đường lối, chính sách, chiến lược và khả năng hỗ trợ của từng quốc gia.

1.1.1.2. Vai trò của DNVVN ở một số nước và vùng lãnh thổ trên thế giới

DNVVN tồn tại ở các nước trên thế giới, nó khẳng định: DNVVN sản phẩm của các quốc gia muốn đưa nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn thì không thể thiếu sự tồn tại và phát triển của các DNVVN. DNVVN có vị trí, vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế mỗi nước, kể cả các nước có trình độ phát triển cao. Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu gay gắt như hiện nay, các nước đều chú ý hỗ trợ các DNVVN nhằm huy động tối đa các nguồn lực vào hỗ trợ cho công nghiệp lớn, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm. Về mặt lý luận và thực tế số liệu thống kê cho thấy DNVVN có vị trí khá lớn ở nhiều nước trên thế giới, trong đó bao gồm cả các nước công nghiệp phát triển.

Nhờ sự phát triển của các DNVVN thúc đẩy các doanh nghiệp lớn phát triển. Bên cạnh đó, chính DNVVN tồn tại và phát triển đã hỗ trợ, thúc đẩy quá trình cạnh tranh lành mạnh, góp phần đáp ứng những nhu cầu của thị trường ngày càng tăng. Nó trở thành bộ phận hữu cơ gắn bó chặt chẽ với các doanh nghiệp lớn, có tác dụng hỗ trợ, bổ sung, thúc đẩy các doanh nghiệp lớn phát triển.

1.1.1.3. Đặc điểm của DNVVN:

Xét về mặt hiệu quả kinh tế, DNVVN cùng với các doanh nghiệp hiện đại có quy mô lớn là một trong nhiều phương sách tốt nhằm nâng cao hơn việc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho sản xuất, do đó nâng cao chất lượng, thu nhập thực tế và mức sống; DNVVN có khả năng liên kết với doanh nghiệp lớn, nhằm nâng cao hiệu suất của hệ thống công nghiệp; góp phần giải quyết được vấn đề công ăn việc làm cho người lao động.

DNVVN có mục tiêu kinh doanh rõ ràng, năng động, nhạy bén và linh hoạt, dễ thích nghi với sự thay đổi của thị trường; DNVVN dễ dàng tạo lập doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, chi phí cố định thấp và chi phí sản xuất hàng hoá cũng thấp; DNVVN tham gia vào mọi lĩnh vực kinh tế đã tạo điều kiện cho nền kinh tế quốc dân khai thác mọi tiềm năng, tạo ra một thị trường cạnh tranh hoàn hảo hơn.

1.1.2. Sự cần thiết hỗ trợ DNVVN

1.1.2.1 Khái niệm hỗ trợ DNVVN

Khái niệm hỗ trợ DNVVN: *Hỗ trợ là tạo các điều kiện, quan điểm, chính sách, vật chất, cùng với các biện pháp, mô hình nhằm trợ giúp các DNVVN phát triển.*

Hỗ trợ DNVVN là tổng thể các quan điểm, tư tưởng, các giải pháp và công cụ của Nhà nước sử dụng để trợ giúp DNVVN sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đồng thời đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

1.1.2.2. Sự cần thiết hỗ trợ DNVVN

Xuất phát từ vai trò của loại hình DNVVN với những lợi ích do việc hỗ trợ mang lại cho chính các DNVVN cũng như có lợi cho Nhà nước trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội: hỗ trợ các DNVVN là cách thức tốt nhất để nuôi dưỡng các nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với khu vực kinh tế này. Bằng việc hỗ trợ DNVVN, Nhà nước cũng có thể giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội như, vấn đề lao động thất nghiệp mà bất cứ nước nào cũng phải đương đầu, tạo nhiều việc làm với nguồn vốn hạn hẹp của Nhà nước. Ngoài ra, Nhà nước có thể thông qua chính sách hỗ trợ để định hướng phát triển các DNVVN phù hợp với những mục tiêu chung nhất định.

Trong thời gian tồn tại vừa qua DNVVN đang từng bước trở thành động lực chính cho sự phát triển tế nhanh và bền vững, tạo sự ổn định xã hội, là công cụ quan trọng để tạo công ăn việc làm cho người lao động, cải biến nền công nghiệp lạc hậu tiếp nhận những tri thức, công nghệ, phương tiện, phương pháp quản lý mới, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút vốn nhân rồi tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và tạo động lực cạnh tranh, phát triển kinh tế. Hơn nữa, các DNVVN đang trong quá trình tồn tại và phát triển đã bộc lộ những hạn chế, khó khăn, vướng mắc: vốn, lao động có trình độ, công nghệ,... cần được hỗ trợ để tiếp tục phát triển.

Hiện nay, ở hầu hết các nước DNVVN là doanh nghiệp dân doanh thu hút phần lớn lao động, gánh vác những nhiệm vụ kinh tế - xã hội rất nặng nề. Bản thân các DNVVN phải tự vươn lên, nhưng họ không thể giải quyết được mọi

khó khăn, để phát triển bền vững. Họ cần Nhà nước giúp đỡ, nhưng trách nhiệm chủ yếu của Nhà nước là tạo môi trường đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng...

Tóm lại, các DNVVN muốn tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường đều phải có sự hỗ trợ từ nhiều phía, trong đó không thể thiếu vai trò quản lý của Nhà nước.

1.1.2.3. Nội dung hỗ trợ DNVVN

Hỗ trợ tăng sức cạnh tranh của các DNVVN trong nước theo hai hướng: Khuyến khích các DNVVN đồng thời tích cực hỗ trợ phát triển các tập đoàn kinh doanh lớn, định hướng hoạt động xuyên quốc gia; xúc tiến các hoạt động thương mại. Ưu tiên hàng đầu cho việc cải thiện môi trường đầu tư để khuyến khích phát triển DNVVN tăng cường thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu và phát triển kinh tế trong nước hoà nhập với sự phân công lao động và liên kết kinh tế quốc tế với các nội dung nổi bật sau:

Một là: Đảm bảo sự ổn định về kinh tế, chính trị - xã hội và Pháp luật.

Hai là: Tăng cường tính mềm dẻo, hấp dẫn của hệ thống chính sách khuyến khích hỗ trợ DNVVN .

Ba là: Sự phát triển đồng bộ và hiện đại hoá cơ sở hạ tầng.

Bốn là: Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, năng lực, khoa học công nghệ cho hệ thống DNVVN.

Năm là: Đảm bảo đạt trình độ cao trong tổ chức quản lý hoạt động của nền hành chính quốc gia và hiệu quả của các dự án đầu tư vào các DNVVN đã triển khai.

1.1.3. Kinh nghiệm hỗ trợ DNVVN ở một số nước trên thế giới

1.1.3.1. Hỗ trợ DNVVN ở một số nước

Hỗ trợ DNVVN ở Hàn Quốc:

Hỗ trợ DNVVN ở Singapore:

Hỗ trợ DNVVN ở Đài Loan:

1.1.3.2. Một số kinh nghiệm về hỗ trợ DNVVN

Xét về mục tiêu hỗ trợ DNVVN ở các nước đều nhằm vào việc trợ giúp khắc phục những bất lợi của chúng và tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp này giúp chúng khai thác tốt hơn các tiềm năng kinh tế, đặc biệt là các tiềm năng trong nước.

Mặt khác, hệ thống tổ chức hỗ trợ được xây dựng rất linh hoạt, đa dạng, hướng về doanh nghiệp theo tiêu chí giúp các doanh nghiệp đủ lớn để có hiệu quả đồng thời đủ nhỏ để linh hoạt, trong đó, trong bước trưởng thành hiệu quả là chính.

Để thực hiện các chính sách hỗ trợ DNVVN, các tổ chức hỗ trợ thường bao gồm các cơ quan Chính phủ và phi chính phủ, các tổ chức Ngân hàng và Tài chính, các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm tư vấn, cơ quan phát triển thương mại, các hiệp hội...

1.2. Hỗ trợ DNVVN ở Việt Nam:

1.2.1. Vai trò, đặc điểm của DNVVN ở Việt Nam.

1.2.1.1. Quan niệm về DNVVN:

DNVVN ở Việt Nam là những cơ sở sản xuất kinh doanh có tư cách pháp nhân, không phân biệt thành phần kinh tế, có quy mô về vốn hoặc lao động thoả mãn các quy định của Chính phủ đối với từng ngành nghề tương ứng với từng thời kỳ phát triển của nền kinh tế.

Những giới hạn độ lớn của các tiêu chí phân loại DNVVN quy định trong công văn số 681/CP-KTN ngày 20 tháng 06 năm 1998. Khẳng định: DNVVN là: " Những doanh nghiệp có vốn điều lệ dưới 5 tỷ đồng và có số lao động trung bình hàng năm dưới 200 người".

Nghị định 90/2001/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ đã đưa ra định nghĩa về DNVVN ở Việt Nam, trong đó định ra hai tiêu chí để xác định DNVVN như sau:

"Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở sản xuất kinh doanh độc lập, đã đăng ký theo Luật pháp hiện hành có số vốn đăng ký không quá 10 tỷ đồng hoặc số lao động trung bình hàng năm không quá 300 người".

Căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội của từng ngành, địa phương, trong quá trình thực hiện các biện pháp, chương trình trợ giúp có thể linh hoạt áp dụng đồng thời cả hai tiêu chí vốn và lao động hoặc một trong hai tiêu chí nói trên.

Về hình thức Pháp lý Nghị định 90/2001/NĐ-CP xác định đối tượng áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật DN, Các HTX thành lập và hoạt động theo luật HTX và các hộ kinh doanh cá thể đăng ký theo Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 3 tháng 2 năm 2000 của Chính phủ.

Có thể thấy rằng hình thức Doanh nghiệp tư nhân được ưa chuộng nhất, chiếm tỷ trọng cao nhất, nó phù hợp với quy mô vốn nhỏ của các chủ doanh nghiệp.

1.2.1.2. Vai trò của DNVVN ở nước ta

Về mặt lý luận và thực tế số liệu thống kê cho thấy DNVVN có vị trí khá lớn ở nhiều nước trên thế giới trong đó có cả Việt Nam chúng ta. Vị trí, vai trò của các DNVVN đã được khẳng định thể hiện qua các điểm sau: về số lượng DNVVN chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế quốc dân; Tạo ra nhiều việc làm với chi phí thấp; huy động ngày càng nhiều nguồn vốn trong xã hội đầu tư vào sản xuất kinh doanh. Sự đóng góp của doanh nghiệp vừa và nhỏ ngày càng chiếm tỷ trọng khá lớn và ổn định trong GDP.

Vai trò của DNVVN thể hiện ở mức độ đóng góp vào sự phát triển kinh tế của quốc dân, thu hút lao động, vốn đầu tư, tạo ra giá trị gia tăng, góp phần tăng trưởng kinh tế - xã hội của đất nước. DNVVN đang có vai trò rất quan trọng trong quá trình đưa nước ta nhanh chóng từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, hiện đại theo định hướng XHCN.

**** Đặc điểm của DNVVN:***

Một là: Sự phát triển của DNVVN ở Việt Nam cần nhu cầu vốn không lớn, phù hợp với khả năng đầu tư của các chủ thể kinh tế hoạt động trong lĩnh vực nông thôn ở nước ta.

Hai là: DNVVN sử dụng được đông đảo lao động xã hội và sử dụng đa dạng các loại thiết bị với trình độ công nghệ khác nhau. Hoạt động với chi phí

thấp nhưng dễ mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, nhanh chóng góp phần hạn chế được nạn thất nghiệp.

Ba là: DNVTN có thể phát triển gần với nguồn nguyên liệu và cung cấp hàng hoá. Do đó, thích hợp với lĩnh vực sản xuất chế biến nông - lâm sản, chế biến thủy hải sản và lĩnh vực bán lẻ.

Bốn là: Tổ chức quản trị kinh doanh, quản trị doanh nghiệp rất gọn nhẹ; cơ chế tổ chức không có bộ máy gián tiếp công kênh dẫn đến chi phí kinh doanh sản phẩm không quá cao.

Năm là: Với quy mô vừa và nhỏ các doanh nghiệp này còn rất linh hoạt, ứng biến nhanh nhạy với sự biến đổi nhanh chóng của thị trường.

Từ những đặc điểm trên có thể thấy các DNVTN có những lợi thế sau: Dễ dàng khởi sự và năng động, nhạy bén với thị trường; DNVTN có khả năng hợp tác với các doanh nghiệp lớn, trở thành quỹ đạo, vệ tinh của các doanh nghiệp lớn; Thu hút nhiều lao động, hoạt động có hiệu quả với chi phí cố định thấp; DNVTN có hoặc có ít xung đột giữa người sử dụng lao động và người lao động; Các DNVTN thích ứng với điều kiện tự do cạnh tranh; Các DNVTN, có thể phát huy tiềm lực thị trường trong nước; Dễ dàng tạo nên sự phát triển cân bằng giữa các vùng; DNVTN là một trong những nơi đào tạo huấn luyện các nhà doanh nghiệp và là cơ sở kinh tế ban đầu để phát triển thành doanh nghiệp lớn...

1.2.2. Hỗ trợ DNVTN ở Việt Nam

1.2.2.1. Sự cần thiết phải hỗ trợ DNVTN

DNVTN có vai trò rất quan trọng đối với tăng trưởng, xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam. Hội nghị BCH TW khoá IX (tháng 03 năm 2002) đã khẳng định tầm quan trọng của doanh nghiệp, nhất là DNVTN thuộc khu vực kinh tế tư nhân: *"kinh tế tư nhân là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là chiến lược lâu dài trong phát triển kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa"*

Vì vậy, phát triển DNVTN được thừa nhận là biện pháp tốt để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, trong phần lớn các DNVTN đều gặp bất lợi bao quanh bởi các rào cản về chính sách kinh tế của nhà nước, tâm lý xã hội, môi trường kinh doanh... và hạn chế đối với sự phát triển của nó. Các yếu

tố này bao gồm: môi trường chính trị; môi trường kinh tế; hệ thống các luật lệ liên quan; thiên tai; các chương trình điều chỉnh cơ cấu có thể dẫn đến giảm cầu của một số đầu vào và các loại cung ứng khác; các chính sách lãi suất, tỷ lệ lạm phát...

Các DNVVN phải chịu đựng trách nhiệm nặng nề hơn những rủi ro đến từ môi trường, vì thế đòi hỏi phải linh hoạt và quyết định nhanh chóng đối với sự thay đổi của môi trường.

Những yếu tố trên có thể coi là thách thức đối với các DNVVN. Mặt khác, nguồn lực nội tại hạn chế; kém nhận biết sự vận động của môi trường; khả năng kỹ thuật và quản lý hạn chế, mức độ ảnh hưởng lớn của cá nhân chủ sở hữu đối với doanh nghiệp...

Về mặt chính sách, cần phải tìm được sự cân bằng giữa một bên là nhu cầu và khả năng của các DNVVN và bên kia là nhu cầu và khả năng của các doanh nghiệp lớn.

Như vậy, khuyến khích phát triển DNVVN chính là để duy trì sự cạnh tranh trong nền kinh tế, tức là duy trì và tạo ra động lực cho sự phát triển, phát triển DNVVN chính là huy động mọi nguồn vốn phát triển kinh tế, tăng thu nhập bình quân đầu người, tạo thêm nhiều việc làm, góp phần thực hiện mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020.

Với những căn cứ như trên, chúng ta có thể khẳng định rằng nhà nước cần phải hỗ trợ tích cực cho DNVVN phát triển trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta hiện nay .

1.2.2.2. Nội dung hỗ trợ DNVVN ở nước ta là :

Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước sớm nhận ra vai trò của DNVVN , đồng thời xác định đúng mục tiêu phát triển nền kinh tế trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần phải hỗ trợ DNVVN để chúng tiếp tục phát triển vươn lên. Nghị định 90/2001/NĐ-CP ngày 23/11/2001, nhằm trợ giúp phát triển DNVVN (có thể gọi tắt là nghị định DNVVN) .

Nghị định DNVVN vừa được xây dựng với một loạt biện pháp hỗ trợ DNVVN như khuyến khích đầu tư, thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ mặt bằng sản xuất, hỗ trợ thị trường và tăng khả năng cạnh tranh, hỗ trợ xúc tiến xuất khẩu, hỗ trợ về thông tin, tư vấn đào tạo nguồn nhân lực cụ thể là:

Nghị định DNVVN vừa được xây dựng với một loạt biện pháp hỗ trợ DNVVN như khuyến khích đầu tư, thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ mặt bằng sản xuất, hỗ trợ thị trường và tăng khả năng cạnh tranh, hỗ trợ xúc tiến xuất khẩu, hỗ trợ về thông tin, tư vấn đào tạo nguồn nhân lực cụ thể là :

+ Chính sách khuyến khích đầu tư,

+ Thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng DNVVN để bảo lãnh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa khi không đủ tài sản thế chấp, cầm cố vay vốn của các tổ chức tín dụng.

+ Mặt bằng sản xuất:

+ Thị trường và tăng khả năng cạnh tranh:

+ Về xúc tiến xuất khẩu:

+ Về thông tin, tư vấn đào tạo nguồn nhân lực:

+ Thành lập cục phát triển DNVVN :

+ Thành lập hội đồng khuyến khích phát triển DNVVN:

+ Thành lập trung tâm hỗ trợ kỹ thuật DNVVN.

+ Cục xúc tiến DNVVN tại các địa phương:

+ Các tổ chức trợ giúp DNVVN Chính phủ khuyến khích việc thành lập và củng cố các tổ chức trợ giúp DNVVN thuộc các cơ quan, tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, nhằm thực hiện các chương trình trợ giúp một cách thiết thực và có hiệu quả; như: Các hiệp hội và câu lạc bộ doanh nghiệp, Các bộ, ngành, UBND địa phương có trách nhiệm thường xuyên gặp gỡ, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong sản xuất - kinh doanh với DNVVN,.....

Tóm lại, nghị định DNVVN thể hiện sự quyết tâm của Chính phủ Việt Nam về khuyến khích, hỗ trợ DNVVN nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các DNVVN phát triển có hiệu quả tốt, thừa nhận sự tồn tại của DNVVN với vai trò quan trọng của nó.

Để nghị định DNVVN thực sự đi vào cuộc sống, Chính phủ cần phải xây dựng những cơ chế, mô hình cụ thể hơn nữa, thông qua đó, hỗ trợ DNVVN phát triển một cách rộng khắp và hiệu quả.

1.2.3. Kinh nghiệm hỗ trợ DNVVN tại một số tỉnh:

- *Tỉnh Đồng Nai:*

- *Tỉnh Bình Dương:*

- *Tỉnh Bắc Ninh:*

Các tỉnh đó đã có những chính sách phát triển kinh tế - xã hội hiệu quả mà nguồn gốc là chính sách hỗ trợ DNVVN trên địa bàn tỉnh. Đó là:

- Chính sách đất đai;
- Chính sách đầu tư,
- Chính sách thương mại,
- Chính sách khoa học, công nghệ, môi trường;
- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực;
- Chính sách thuế;
- Chính sách vốn, tín dụng
- Cải cách thủ tục hành chính để tạo điều kiện hơn nữa cho các DNVVN

phát triển.

- Phát triển mạnh các làng nghề truyền thống
- Tăng cường hỗ trợ đào tạo về kiến thức quản trị kinh doanh cho các chủ doanh nghiệp.
- Từng bước hình thành các hiệp hội nghề nghiệp.
- Đổi mới quản lý trong các DNVVN .

Đó chính là các chương trình hỗ trợ mà các tỉnh đã và đang làm để đổi mới quản lý, kích thích sức mua, tạo ra sự đột phá về chất lượng hàng hoá và phương thức phục vụ của các DNVVN khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đại phương, chuyển đổi nhanh chóng nền kinh tế theo hướng, CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn.

Chương 2

THỰC TRẠNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TẠI HUNG YÊN

2.1. Điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội đối với sự phát triển DNVVN ở Hưng Yên

2.1.1. Những thuận lợi

Hưng Yên là một tỉnh nằm ở trung tâm Đồng bằng Bắc bộ, vùng kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hưng Yên - Hải Dương - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Hưng Yên có 10 đơn vị hành chính gồm 9 huyện: Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ, Mỹ hào, Khoái Châu, Ân Thi, Kim Động, Phù Cừ, Tiên Lữ và Thị xã Hưng Yên với tổng diện tích là 923 km², dân số là: 1.083.000 người.

Hưng Yên có hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt và đường sông thuận lợi, phân bố đều giữa các vùng trong tỉnh, tạo ra những thế mạnh trong giao lưu, phát triển kinh tế nội tỉnh. Và liên kết với các trung tâm kinh tế lớn như: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh và các tỉnh đồng bằng Sông Hồng.

Với vị trí địa lý kinh tế thuận lợi, Hưng Yên có thể thu hút mạnh đầu tư từ bên ngoài.

Nhìn chung, Hưng Yên là một tỉnh có vị trí địa lý thuận lợi, có mạng lưới giao thông khá tốt, dễ dàng trong việc giao lưu trao đổi hàng hóa thương mại với các vùng khác, có nhiều điều kiện để tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp (trong đó có DNVVN) đầu tư sản xuất - kinh doanh phát triển.

2.1.2. Những khó khăn, hạn chế:

Là một tỉnh mới tái lập, xuất phát điểm thấp về kinh tế - xã hội còn rất thấp, đất ít, người đông là một tỉnh nghèo với rất nhiều khó khăn: Cơ sở vật chất kém, thu ngân sách từ nguồn thuế nông nghiệp là chủ yếu; Trung ương còn phải bổ sung tới 65% nguồn chi ngân sách của tỉnh (năm 1998, nguồn thu chủ yếu của Hưng yên là thuế nông nghiệp, với mức đạt được 87 tỷ VNĐ trong năm). Nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng lớn, sản xuất hàng hoá chưa phát triển, lao động có trình độ thấp kém, cơ sở vật chất kỹ thuật của tỉnh lạc hậu, khoa học công nghệ ở trình độ thấp. ...

2.2. Thực trạng hỗ trợ DNVVN tại Hưng Yên trong những năm gần đây

2.2.1. Tình hình phát triển DNVVN ở Hưng Yên

2.2.1.1. Phát triển DNVVN trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn ở Hưng Yên

*** Phát triển ngành nghề nông thôn:**

Năm 2001 toàn tỉnh có 13.612 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, thu hút 34,5 nghìn lao động. 32 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, 30 doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn, 13.550 hộ gia đình tư nhân.

Các sản phẩm chính của tiểu thủ công nghiệp bao gồm: 15 nhóm mặt hàng với 25 loại sản phẩm khá đa dạng.

Những năm qua, ngành nghề nông thôn đã được chú trọng phục hồi, phát triển. Đã phục hồi lại được hai làng nghề truyền thống và phát triển thêm được 28 làng nghề mới, đưa tổng số làng nghề trong tỉnh lên tới 45 làng nghề.

Sự phát triển ngành nghề trong nông thôn đã góp phần giải quyết việc làm, thu hút lao động dư thừa trong nông nghiệp - nông thôn, đồng thời góp phần tích cực vào việc cải thiện bộ mặt kinh tế - đời sống nông thôn, tạo cơ sở quan trọng cho quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

*** Về công nghiệp chế biến nông sản:**

Các DNVTN trong những năm gần đây, đã tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn Hưng Yên. Với khoảng 17 doanh nghiệp hoạt động chế biến ở quy mô công nghiệp nhỏ và vừa (gồm có 14 công ty cổ phần và trách nhiệm hữu hạn) với 15 ngành hàng sản phẩm.

Tuy nhiên, cho tới nay các cơ sở chế biến thực phẩm thu hút nguyên liệu tại chỗ chưa có mối liên kết hình thành vùng nguyên liệu ổn định trên địa bàn.

Có thể nói, hoạt động chế biến quy mô nhỏ đã góp phần tích cực vào tiêu thụ nguồn nguyên liệu nông sản trên địa bàn, đặc biệt là các sản phẩm hoa quả, lương thực, thịt cá các loại, dược liệu.... Các hoạt động chế biến đã tạo thêm việc làm, thu hút lao động dư thừa và phát triển công nghiệp - dịch vụ.

Về chuyển đổi quan hệ sản xuất ở nông thôn:

Từng bước hình thành và phát triển đa dạng về sở hữu, hình thức tổ chức và ngành nghề sản xuất kinh doanh. Các DNVTN trong nông thôn Hưng Yên có mặt ở tất cả các loại hình doanh nghiệp và mọi hình thức sở hữu khác nhau. Tuy nhiên, tập trung nhiều ở khu kinh tế tư nhân dưới các hình thức các doanh nghiệp tư nhân hay hộ ngành nghề.

2.2.1.2. Phát triển DNVTN trong lĩnh vực công nghiệp tại Hưng Yên

*** Xét về góc độ số lượng các DNVTN trong công nghiệp:**

Khi tỉnh được tái lập, trên địa bàn tỉnh có 5 dự án có vốn đầu tư nước ngoài, 2 dự án đầu tư ngoài tỉnh với tổng số vốn đầu tư là 61,43 triệu USD và 35 tỉ VNĐ, nhưng phần lớn mới được cấp giấy phép đầu tư chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sau 6 năm tái lập tỉnh đã có 27 dự án đầu tư và 146 dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký là 116,23 triệu USD và 5.429 tỉ VNĐ, vốn thực hiện khoảng 81 triệu USD và 1.350 tỉ VNĐ.

*** Về số lao động trong các DNVVN trong công nghiệp**

Tính đến 31/12/2000, số lao động trong các DNVVN trên địa bàn tỉnh có khoảng 41.590 người. Tỷ lệ lao động công nghiệp có trình độ cao đẳng trở lên chiếm 1,3%; Trung cấp chiếm 2%; trong đó, các doanh nghiệp trung ương chiếm 24,8%; quốc doanh địa phương chiếm 20,3%; ngoài quốc doanh chiếm 25% doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm gần 30%.

*** Về vốn kinh doanh của các DNVVN trong công nghiệp:**

So với năm 1997 tổng số vốn kinh doanh năm 2001 của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn đã tăng lên gần 11,95 lần. Vốn tăng chủ yếu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp quốc doanh. Trên địa bàn đã có 15 doanh nghiệp có vốn kinh doanh trên 10 tỷ đồng; 13 doanh nghiệp có vốn từ 5 đến 10 tỷ đồng. Các doanh nghiệp còn lại đều có vốn 5 tỷ đồng, trong đó có trên 15 doanh nghiệp có vốn dưới 1 tỷ đồng.

2.2.2. Một số thành tựu từ việc hỗ trợ DNVVN tại Hưng Yên

2.2.2.1. Tạo điều kiện thuận lợi cho DNVVN khởi nghiệp

Từ thực trạng các DNVVN ở tất cả các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp đều bỏ ngỏ khi có nhu cầu thành lập doanh nghiệp, hoặc trong quá trình triển khai ban đầu đều gặp khó khăn. Vì vậy, tỉnh Hưng Yên đã chủ động tạo điều kiện cho các chủ thể kinh tế có nhu cầu tham gia thị trường được gia nhập thị trường. Với chương trình hỗ trợ khởi sự doanh nghiệp như sau:

Về thực hiện đăng ký kinh doanh cho DNVVN: Ngày 01/8/1998 thông tư liên bộ số 05/1998/TTLB-KH-ĐT-TP của Bộ kế hoạch và Đầu tư và Bộ tư pháp quy định thủ tục thành lập và đăng ký kinh doanh đối với DNVVN. Khi có

đăng ký kinh doanh các DNVVN mới có đầy đủ tư cách pháp nhân tham gia thị trường sản xuất - kinh doanh. Thông tư này đã đưa ra một số cải thiện đã được thực hiện trong thủ tục thành lập và đăng ký kinh doanh.

Đặc biệt Nghị định 90/2001/NĐ-CP ngày 23/11/2001 của Chính phủ về khuyến khích phát triển DNVVN được coi là khung khổ đầu tiên về chính sách trợ giúp phát triển DNVVN.

2.2.2.2. Chính sách hỗ trợ tạo lập môi trường sản xuất - kinh doanh thuận lợi cho DNVVN tại Hưng Yên

***Chính sách hợp tác đầu tư:**

UBND tỉnh Hưng Yên, chỉ đạo chương trình Hợp tác đầu tư trong 5 năm (2001 - 2005) đã thu hút được gần 400 dự án đầu tư trong và ngoài nước, ngoài tỉnh với tổng số vốn đăng ký hơn 1 tỷ USD, trong đó, có khoảng 180 dự án đã đi vào hoạt động.

*** Chính sách đất đai:**

Để hỗ trợ DNVVN tại Hưng Yên, UBND tỉnh kết hợp với sở tài nguyên môi trường tạo mặt bằng sản xuất - kinh doanh cho DNVVN.

Việc giao cho thuê đất đối với các DNVVN làm mặt bằng sản xuất - kinh doanh được thực hiện theo Luật đất đai năm 2003 và Nghị định 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật đất đai.

Tỉnh đã thực hiện "*dồn thửa, đổi ruộng*", giao đất lâu dài cho người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo mô hình vườn - ao - chuồng, hình thành nên các trang trại, làng nghề phát triển với quy mô vừa và nhỏ.

Thực hiện xây dựng, quy hoạch phát triển làng nghề truyền thống, UBND tỉnh Hưng Yên kết hợp với sở Tài nguyên và Môi trường, sở Kế hoạch và Đầu tư để xây dựng quy hoạch làng nghề đảm bảo vệ sinh môi trường cho dân cư. Đến nay, tỉnh đã có 10/17 khu công nghiệp làng nghề, trong đó có hai khu đang được xây dựng tạo điều kiện cho tiểu thủ công nghiệp phát triển.

Sở kế hoạch và đầu tư đã thực hiện xây dựng 5 khu công nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh là:

- Khu công nghiệp Như Quỳnh, Khu công nghiệp Phố Nối, Khu công nghiệp thị xã Hưng Yên, Khu công nghiệp Minh Đức.

Chính sách hỗ trợ vốn cho các DNVVN tại Hưng Yên:

Trong thời gian qua, cùng với Luật doanh nghiệp năm 2000, các DNVVN hoạt động đã thường xuyên nhận được sự hỗ trợ về vốn không ngừng tăng lên. Vốn ngân sách nhà nước tăng 236.004 triệu đồng (năm 2001) lên 280.337 triệu đồng (năm 2003). Trong đó, ngân sách Trung ương có: 122.740 triệu đồng (năm 2001) tăng lên 13.48 triệu đồng (năm 2003).

*** Chính sách lao động trong DNVVN :**

Hiện nay, Hưng Yên có 1.113.489 người, trong đó có 561.245 người lao động. Đây là nguồn lực lao động dồi dào, tuy nhiên vấn đề giải quyết việc làm và nâng cao trình độ kỹ thuật đang là thách thức trong giai đoạn phát triển đến 2010.

UBND tỉnh đã thực hiện hỗ trợ DNVVN đào tạo nguồn nhân lực thông qua dự án, chương trình hỗ trợ đào tạo.

Toàn tỉnh hiện nay có khoảng 10 chương trình hỗ trợ đào tạo, trong đó có 938 doanh nghiệp trực tiếp nhận được hỗ trợ từ các chương trình này.

*** Chính sách hỗ trợ thương mại:**

Phát triển DNVVN phải gắn liền với việc đẩy mạnh chính sách thương mại, tự do hóa kinh tế mở rộng giao lưu, hội nhập quốc tế. UBND tỉnh Hưng Yên đã sớm tạo lập chính sách thương mại phù hợp với yêu cầu phát triển DNVVN. Nhìn chung đã đạt được những thành tựu nhất định:

*** Chính sách thuế**

Thực hiện luật thuế giá trị gia tăng thay thế thuế doanh thu từ 1/1/1999. Theo luật thuế giá trị gia tăng: 1/3 tổng lượng hàng hóa và dịch vụ chịu mức thuế suất là 5%, chỉ có 5% chịu thuế suất 20%, còn lại 62% chịu thuế suất 10%, mức thuế suất trung bình khá hợp lý là 7% đến 8%.

Chính sách thuế hợp lý đã tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp tìm kiếm nơi đầu tư hiệu quả khi giá thuê đất trong khu công nghiệp đã quy hoạch giảm 10%; khu đô thị ven quốc lộ là 15%; vùng sâu vùng xa là 25%. Đặc biệt, tất cả

802 doanh nghiệp đều được miễn thuế trong vòng 5 năm đầu doanh nghiệp chưa hoạt động.

*** Chính sách dịch vụ phát triển kinh doanh và công nghệ**

- Thị trường dịch vụ phát triển kinh doanh

Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao đã tạo nền tảng pháp lý cho việc hình thành các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ về đào tạo.

Như vậy, từ năm 2001 trở lại đây, do cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư của tỉnh Hưng Yên được chú trọng nên tỷ lệ đầu tư vào các dự án mới năm sau tăng hơn năm trước. Trong đó, số doanh nghiệp có thiết bị công nghệ mới, lựa chọn hình thức nghiên cứu đầu tư chiều sâu và cải tiến thiết bị tăng, dẫn đến số DNVVN có tăng trưởng cao 30,1%; tăng mức trung bình là 15%.

2.3. Những tồn tại yếu kém và những vấn đề đặt ra trong hỗ trợ DNVVN tại Hưng Yên

Môi trường pháp lý để các DNVVN hoạt động đã được xác lập xong chưa đồng bộ, kịp thời, đầy đủ. Biểu hiện cụ thể là: Nhà nước chưa ban hành những văn bản pháp luật để điều chỉnh và xử lý các vấn đề hết sức căn bản của DNVVN như: chính sách cụ thể để hỗ trợ hữu hiệu cho doanh nghiệp, tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp, mối quan hệ giữa các thực thể DNVVN với các đơn vị kinh tế khác...

Nguyên nhân ở đây chủ yếu là do các yếu tố thị trường của nền kinh tế chưa được xác lập đầy đủ, trình độ quản lý kinh tế của đội ngũ cán bộ còn hạn chế. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy nhà nước chưa được quy định một cách cụ thể, rõ ràng.

Đối với chính sách đất đai:

Khi thực hiện còn nhiều vấn đề bất cập. Ưu đãi về giao đất và thuê đất còn không ít các vướng mắc. Một số DNVVN phải đi thuê lại đất của các doanh nghiệp nhà nước và không được hưởng ưu đãi về đất đai.

*** Chính sách phát triển khoa học và công nghệ:**

Nguồn vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ vẫn chủ yếu lấy từ ngân sách nhà nước của tỉnh. Tổng mức đầu tư khoa học công nghệ cho DNVVN chiếm tỷ lệ thấp, hầu như không đáng kể. Mặt khác, chưa có cơ chế, chính sách hỗ trợ tín dụng cho DNVVN và ngay cả việc phát hiện và giải quyết các vấn đề khoa học kỹ thuật của chính bản thân các DNVVN cũng chưa được thực hiện.

*** Về chính sách thuế tín dụng, đầu tư đối với DNVVN**

Chính sách thuế ở nước ta hiện nay còn nặng về thu, chưa phải là công cụ động viên các DNVVN để nuôi dưỡng nguồn thu, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư trở lại, nâng cao tiềm lực tài chính. Tại Hưng Yên, chủ yếu tập trung thu thuế đúng, thu đủ, chưa chú ý đến miễn giảm thuế, việc hoàn lại thuế cho doanh nghiệp còn chậm.

- Về khuyến khích đầu tư trong nước:

Danh mục ưu đãi đầu tư theo luật khuyến khích đầu tư trong nước mang tính dàn trải, không rõ ràng, gây khó khăn cho việc áp dụng danh mục ưu đãi. Đối tượng được xét ưu đãi đầu tư, lĩnh vực được ưu đãi đầu tư, còn chưa thật rõ ràng. Ngoài ra, thủ tục đề nghị để được hưởng ưu đãi còn thiếu thống nhất, phức tạp và khó khăn khi thực hiện.

- Về thực hiện chính sách ưu đãi thuế tín dụng:

+ Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Các ưu đãi về thuế trong quá trình thực hiện có nhiều trở ngại và bất hợp lý, chưa bình đẳng giữa DNVVN với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài; Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp là chính sách quan trọng mà nhà đầu tư được hưởng, song khi thực hiện không có hướng dẫn cụ thể hoặc triển khai chậm làm cho nhiều cơ quan thuế không thực hiện thuế suất ưu đãi thu nhập doanh nghiệp cho nhà đầu tư;

+ Ưu đãi về tín dụng chưa được triển khai rộng: Nghị định 52/CP quy định doanh nghiệp muốn vay vốn tín dụng phải được “sự chấp nhận của cơ quan chủ quản”. Vì vậy, các DNVVN khu vực tư nhân phải chờ đợi sự chấp thuận của chủ tịch xã, chủ tịch huyện. Song thực tế không ít địa phương không muốn tham gia vào việc chứng nhận xin vay vốn này, thêm vào đó thủ tục vay vốn phức tạp.

3.3. Một số nguyên nhân chủ yếu của những khó khăn hạn chế:

Một là, Luật pháp, chính sách, cơ chế quản lý vĩ mô của Nhà nước, đứng đầu là UBND tỉnh Hưng Yên chưa hoàn toàn tạo được lòng tin cho các nhà đầu tư tư nhân, nhất là đối với những doanh nghiệp có vốn lớn yên tâm đầu tư sản xuất kinh doanh lâu dài. Cơ chế, chính sách phát triển, hỗ trợ DNVVN còn yếu, còn thiếu, chưa rõ ràng, hiệu lực pháp lý thấp, thiếu thực tế; một số cơ chế, chính sách cần thiết trong việc hỗ trợ các DNVVN còn yếu kém.

Hai là, việc xác định quyền hạn trách nhiệm quản lý giữa sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Tài nguyên và Môi trường, sở Khoa học và Công nghệ, các ngành chức năng và các huyện, thị xã trong việc quản lý các DNVVN chưa thật rõ ràng.

Ba là, việc xác định cụ thể những tiêu chí để xác định DNVVN trong các ngành kinh tế chưa thật rõ ràng, thống nhất, sự đánh giá này còn tùy tiện, chủ quan...

Bốn là, Về môi trường pháp lý đối với sự hỗ trợ DNVVN: Thời gian qua Tỉnh Ủy và UBND tỉnh Hưng Yên đã cố gắng trong việc tạo ra môi trường thông thoáng, lành mạnh thông qua việc thực hiện Luật doanh nghiệp, cải cách thủ tục hành chính với cơ chế làm việc “một cửa, một dấu”, thực hiện chính sách ưu đãi về thuế đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng; miễn thuế khi mới thành lập doanh nghiệp ... nên đã khuyến khích được các chủ DNVVN tích cực đầu tư vào sản xuất kinh doanh.

Năm là, tại Hưng Yên còn thiếu vắng các thị trường cơ bản của nền kinh tế thị trường. Vì vậy, DNVVN ở Hưng Yên vẫn còn trong tình trạng tự bươn trải để vươn lên trong điều kiện các yếu tố thị trường đầu vào và thị trường đầu ra chưa ổn định, hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa tương xứng với tiềm năng của nó.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP HỖ TRỢ DNVVN TẠI HƯNG YÊN TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. Phương hướng hỗ trợ DNVVN và mục tiêu hỗ trợ DNVVN.

3.1.1. Phương hướng hỗ trợ DNVVN ở Hưng Yên

Một là, tăng tích lũy, tranh thủ mọi nguồn vốn để đầu tư phát triển DNVVN công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp mới, khôi phục các làng nghề truyền thống. Thực hiện cơ giới hóa, địa khí hóa và hóa học hóa trong sản xuất nông nghiệp hàng hoá.

Hai là, phát huy nội lực cao độ để phát triển các ngành công nghiệp mà tỉnh có lợi thế, so sánh nhằm tạo việc làm, tăng tích lũy cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế hàng hóa.

Ba là, tạo dựng môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút vốn, công nghệ cao vào phát triển công nghiệp ở các khu công nghiệp tập trung dọc quốc lộ 5A. Đặc biệt, ưu tiên thu hút đầu tư vào phát triển công nghiệp vừa và nhỏ tại các huyện trong tỉnh, nhằm phân bố tương đối hợp lý về đầu tư phát triển theo vùng lãnh thổ.

Bốn là, chú trọng đầu tư theo chiều sâu để phát huy triệt để các tiềm năng hiện có. Đồng thời sắp xếp lại hệ thống các doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phấn đấu nâng dần tỉ lệ tái đầu tư mới trong giá trị sản xuất công nghiệp đạt mức 37% GDP của tỉnh.

Năm là, tích cực kêu gọi đầu tư nước ngoài để tìm kiếm đối tác đầu tư phát triển công nghiệp trên khắp các địa bàn của tỉnh.

3.1.2. Mục tiêu hỗ trợ DNVVN tại Hưng Yên trong thời gian tới

3.1.2.1. Mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế xã hội tại Hưng Yên từ nay đến năm 2010 là:

Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 13% GDP; giá trị sản xuất các ngành: Nông nghiệp tăng 5%; công nghiệp tăng 25%; dịch vụ tăng trên 15%; cơ cấu

kinh tế phần đầu: công nghiệp và xây dựng chiếm 47%; nông nghiệp chiếm 20%; dịch vụ chiếm 33%.

Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 15 triệu đồng (tương đương 1.000USD/năm).

Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 3.000 tỉ đồng, trong đó thu nội địa đạt 1.800 đến 2.000 tỉ đồng.

3.1.2.2. Mục tiêu cụ thể :

*** Mục tiêu định tính :**

Phần đầu từ nay đến 2010 hỗ trợ phát triển các DNVVN trên các bình diện sau:

Một là, hoàn thiện khung khổ pháp lý, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo được môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ổn định, thông thoáng cho DNVVN phát triển.

Hai là, xây dựng văn hóa kinh doanh, nâng cao nhận thức trong cộng đồng dân cư về DNVVN.

Ba là, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh của các DNVVN góp phần đẩy nhanh sự tăng trưởng kinh tế .

Bốn là, khuyến khích thành lập doanh nghiệp mới, chính thức hoá các hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể, khuyến khích các hộ kinh doanh cá thể chuyển thành doanh nghiệp hoạt động theo luật doanh nghiệp.

Năm là, xây dựng hoàn thiện các chương trình hỗ trợ phát triển DNVVN một cách hợp lý bộ máy quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương có hiệu quả.

Sáu là, phần đầu thực hiện Chính phủ điện tử: để tất cả các DNVVN đều có thể tiếp cận với mạng thông tin doanh nghiệp quốc gia.

*** Mục tiêu định lượng :**

Phần đầu đến năm 2010 có khoảng 2.000 hộ kinh doanh cá thể chính thức hoá hoạt động kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp hoạt động theo luật doanh nghiệp.

3.1.2.3. Mục tiêu hỗ trợ cho riêng DNVVN trong thời gian tới là:

Phải tạo được môi trường kinh tế xã hội môi trường pháp lý thuận lợi cho phát triển DNVVN, tạo bước chuyển biến toàn diện, sâu sắc trong nhận thức về việc cần phải hỗ trợ, phát triển DNVVN; tạo điều kiện để hộ kinh doanh cá thể chính thức hóa hoạt động kinh doanh, chuyển sang đăng ký kinh doanh theo luật nâng số lượng doanh nghiệp hoạt động theo luật doanh nghiệp có hiệu quả tại Hưng Yên, nên 2.200 doanh nghiệp vào năm 2010. Tạo việc làm thu nhập ổn định và cải thiện khả năng cạnh tranh của các DNVVN, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

3.2. Một số giải pháp hỗ trợ phát triển DNVVN ở tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn 2006 - 2010.

- Hoàn thiện môi trường pháp lý đối với DNVVN
- Coi trọng việc xây dựng quy hoạch phát triển DNVVN
- Cần tạo điều kiện và thúc đẩy việc mở rộng quan hệ hợp tác và liên kết giữa doanh nghiệp lớn với DNVVN giữa các DNVVN với nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh phân cấp quản lý kinh tế, tài chính nhà nước và đổi mới nội dung, phương thức đầu tư hỗ trợ DNVVN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.
- Tích cực tháo gỡ khó khăn về đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Tăng cường hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học công nghệ cho các DNVVN.
- Tạo lập môi trường tâm lý xã hội thuận lợi cho phát triển DNVVN

KẾT LUẬN

Tóm tắt những nội dung chính của khoá luận, nhận xét về phần việc đã làm được và chưa làm được so với mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra từ đầu. Đề xuất những kiến nghị để Hưng Yên tiếp tục thực hiện Hỗ trợ thành công cho các DNVVN trong giai đoạn tới.